

Bản án số: **123/2024/HC-PT**

Ngày: 09/4/2024

V/v: **“Khiếu kiện QĐHC, HVHC
trong lĩnh vực quản lý đất đai”**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân;

bà Võ Thị Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thế Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 343/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về: *“Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 362/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1; cùng địa chỉ: 7 L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông H vắng mặt, bà H1 có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: A T, tổ D, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Toàn T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Trọng H2 – Giám đốc Trung tâm P; địa chỉ: E Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Toàn T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh G; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: B T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- **Người kháng cáo:** người khởi kiện ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 và người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Văn T trình bày:

Để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và nhà ở khu phố M – Phù Đồng, ngày 12/6/2008 Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 1121/QĐ-UBND về việc thu hồi đất 444,7m² đất ở của hộ gia đình ông H, bà H1. Đến ngày 17/3/2021, Ủy ban nhân dân thành phố P đã phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với gia đình ông H, bà H1. Ngày 19/7/2021, UBND thành phố P có quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông, bà.

Sau khi nhận được, nhận thấy các Quyết định này là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình nên từ năm 2008 đến nay, gia đình ông H, bà H1 nhiều lần kiến nghị, khiếu nại đến UBND thành phố P để được giải quyết dứt điểm vụ việc nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

- *Về Quyết định thu hồi đất:* trình tự thủ tục thu hồi đất, ban hành quyết định thu hồi đất của UBND thành phố P đối với ông H, bà H1 là trái pháp luật dẫn đến xác định diện tích thực tế gia đình đang sử dụng để ban hành quyết định thu hồi đất và làm cơ sở bồi thường hỗ trợ, tái định cư là không đúng, không đầy đủ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp. Cụ thể:

+ Theo Quyết định thu hồi đất số 1121 ngày 12/6/2008, diện tích đất gia đình ông H, bà H1 bị thu hồi là 444,7m² đất ở. Tuy nhiên, Bản đồ đo vẽ hiện trạng thửa đất gia đình sử dụng qua các năm 2006, 2007 đều thể hiện tổng diện tích gia đình ông H, bà H1 thực tế đang sử dụng là hơn 550 m² (trong đó có cạnh chiều dài là 50,42m, mút cạnh này giáp với taluy đường N). Ngoài ra, tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2001 giữa vợ chồng ông H, bà H1 với ông Lê Văn T2 (bên chuyển nhượng), diện tích chuyển nhượng là 446 m² (9,5 x 47m), lớn hơn so với diện tích UBND thành phố P đã ra quyết định thu hồi.

+ UBND thành phố P đã không phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường để tiến hành đo đạc, chỉnh lý Bản đồ địa chính cho phù hợp với hiện trạng và trích đo hiện trạng thửa đất của gia đình ông H, bà H1 theo quy định tại Điều 50 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ mà chỉ căn cứ vào kết quả đo đạc của công ty Đ không rõ tư cách pháp lý, không đủ thẩm quyền để làm căn cứ ra quyết định thu hồi đất.

+ Quá trình giải quyết các Đơn kiến nghị của gia đình ông H, bà H1, UBND thành phố có căn cứ vào Biên bản phúc tra ngày 10/4/2008 và Biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 27/5/2008 để xác định diện tích thu hồi của gia đình ông H, bà H1 là 444,7 m². Tuy nhiên, cả 02 văn bản trên đều không có giá trị pháp lý, bởi lẽ Biên bản phúc tra là tài liệu không nằm trong trình tự, thủ tục thu hồi đất được quy định tại Luật Đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành; còn Biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 27/5/2008 được lập nhưng không có đầy đủ thành phần tham gia bắt buộc (không có sự tham gia của cán bộ địa chính cấp xã và người trực tiếp kiểm đếm) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 55 Nghị định 84/2007/NĐ-CP và được thực hiện trước ngày UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất, là trái quy định về trình tự, thủ tục kê khai, kiểm kê và xác định nguồn gốc đất đai.

- *Về quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:*

Ngày 17/3/2021, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 533/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và nhà ở khu phố mới H -P thành phố P cho gia đình ông H, bà H1 tuy nhiên các hạng mục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nêu tại Quyết định này là chưa thỏa đáng, chưa đúng quy định pháp luật. Cụ thể:

Về đất tái định cư: Quyết định phê duyệt phương án tái định cư của UBND thành phố P chỉ bố trí cho gia đình ông H, bà H1 01 lô tái định cư và 01 lô được giao đất do đủ điều kiện tách hộ (con gái của ông H, bà H1) tuy nhiên gia đình còn có người con trai là Trương Triệu V đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, đủ điều kiện tách hộ nhưng không được UBND thành phố cấp 01 lô đất tái định cư. Đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh G và Điều 25 Luật Cư trú năm 2020 thì gia đình ông H, bà H1 là hộ gia đình có nhiều thế hệ chung sống trên một thửa đất ở thu hồi và con trai đủ điều kiện để tách thành hộ gia đình riêng, không còn đất ở trên địa phương nên con trai phải được bồi thường 01 lô đất ở và được giao đất có thu tiền sử dụng đất. Việc UBND thành phố P quyết định không bố trí đất tái định cư cho con trai là trái pháp luật về cấp đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Về áp giá để bồi thường: theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông H, bà H1 được Nhà nước phê duyệt qua các năm, trước và sau khi thu hồi đều thể hiện một phần thửa đất của gia đình ông, bà tiếp giáp trực tiếp với đường N nhưng UBND thành phố P không áp giá đất đường N để bồi thường cho gia đình ông H, bà H1 là không có cơ sở, vi phạm pháp luật bởi lẽ về nguyên tắc đối với 01 lô đất tiếp giáp nhiều mặt đường thì cơ quan bồi thường phải áp giá đất có lợi nhất cho người bị thu hồi đất.

- *Về hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:*

Từ trước đến nay trên thửa đất thu hồi, ngoài việc để ở, ông H, bà H1 có kết hợp kinh doanh dịch vụ quán cà phê để trang trải cuộc sống hằng ngày. Nay Nhà nước thu hồi đất phải ngưng hoạt động kinh doanh bán cà phê hằng ngày, mất thu nhập do phải di dời, giải phóng mặt bằng.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013 và điểm đ khoản 1, khoản 4 Điều 19; Điều 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, hộ gia đình ông H, bà H1 phải được Nhà nước hỗ trợ thêm khoản ổn định sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm. Việc UBND thành phố P không hỗ trợ các khoản tiền trên khi thu hồi đất là đã vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

- Về chi phí di chuyển khi nhà nước thu hồi đất ở:

Căn cứ Điều 91 Luật Đất đai 2013, thì gia đình họ phải được Nhà nước bồi thường các chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt. Tuy nhiên, tại các Quyết định bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố P không thể hiện các khoản tiền hỗ trợ này cho gia đình ông H, bà H1 là không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để triển khai Dự án khu phố H - P.

- Hủy Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và nhà ở khu phố M - P, thành phố P, đối với phần phê duyệt, điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trương Thế H.

Đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét hủy các quyết định hành chính có liên quan bao gồm: Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra số 4922/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2021 của Phó chủ tịch UBND thành phố P; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1575/QĐ-CCXP ngày 27/5/2022 của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; Quyết định số 386/QĐ-UB ngày 02/12/2004 của UBND tỉnh G về việc thu hồi đất của các hộ dân, các tổ chức sử dụng đất để triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết khu phố mới H – Phù Đồng thuộc địa bàn 3 phường: Hội Phú, H và T, thành phố P; Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 1/7/2008 của UBND tỉnh G về việc phê duyệt phương án và dự toán đền bù, giải phóng mặt bằng công trình: Khu phố H - P (đợt 32), đối với phần của hộ ông Trương Thế H; Quyết định số 1684/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1.

2. Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P do ông Đặng Toàn T1, Phó Chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền, có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và nhà ở khu phố M - P, thành phố P đã được UBND tỉnh thu hồi tổng thể tại Quyết định số 386/QĐ-UB ngày 02/12/2004 về việc thu hồi đất của các hộ dân, các tổ chức sử dụng đất để triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết Khu phố mới H - P thuộc địa bàn của 3 phường: Hội Phú, H và T, thành phố P. Diện tích đất thu hồi, giải phóng mặt bằng của toàn dự án 120.891,74m² của 336 hộ gia đình, cá nhân, trong đó có hộ ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1.

- Về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để triển khai Dự án khu phố H - P (Quyết định số 1121).

Về nguồn gốc đất: ông Trương Thế H nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T2 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND phường H xác nhận ngày 31/12/2001 với diện tích 446 m² (9,5mx47m) đất nông nghiệp, nguồn gốc đất do ông Lê Văn T2 tự khai phá năm 1968 (thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Quá trình lập hồ sơ thu hồi đất: căn cứ Khoản 1.3, phần 2 Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ T4 quy định: “1.3. Diện tích đất được bồi thường là diện tích được xác định trên thực địa - thực tế đo đạc diện tích thu hồi của từng người sử dụng đất”.

Căn cứ quy định trên, năm 2007, Ban đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư (GPMB&TĐC) tỉnh (cũ) đã thuê Công ty TNHH T5 đo đạc bản đồ hiện trạng sử dụng đất dự án Khu đô thị M - P với tỉ lệ 1:1000 để bồi thường giải phóng mặt bằng. Trong quá trình đo đạc, do đơn vị đo đạc xác định ranh giới không đúng nên đo thiếu diện tích (273,5 m², thửa đất số 123). Ngày 10/4/2008, Ban đền bù GPMB & TĐC tỉnh phối hợp với UBND phường H và hộ ông Trương Thế H tiến hành phúc tra xác định diện tích đất thực tế đang sử dụng của ông Trương Thế H. Căn cứ mốc giới cụ thể thực tế tại hiện trường của từng thửa đất đối với các hộ lân cận, kết quả phúc tra xác định lại diện tích đất được lập thành Biên bản và đã được ông Trương Thế H cùng các cơ quan có thẩm quyền ký xác nhận, tổng diện tích đất là 444,7m².

Trên cơ sở Bản tự kê khai diện tích đất và tài sản trên đất, ngày 27/5/2008, Ban đền bù GPMB và TĐC tỉnh (cũ) phối hợp với UBND phường H tiến hành kiểm kê thực tế tại hiện trường thửa đất đang sử dụng của hộ ông Trương Thế H. Kết quả kiểm kê thực tế tại hiện trường được lập thành Biên bản và đã được ông Trương Thế H cùng các cơ quan có thẩm quyền ký xác nhận diện tích đất thu hồi là 444,7m².

Như vậy, thửa đất thu hồi của hộ ông Trương Thế H được các cơ quan có thẩm quyền đo đạc diện tích thực tế 03 lần trước khi tham mưu UBND thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất số 1121. Mặc khác, hồ sơ về nguồn gốc đất do gia đình ông H cung cấp gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Biên bản xác nhận không tranh chấp được UBND phường H xác nhận ngày 31/12/2001 và Biên lai thu thuế nhà, đất từ năm 2003 đến năm 2006, thì thửa đất của gia đình ông có chiều dài 47m và diện tích 446m².

Vậy UBND thành phố P đã thực hiện đúng theo quy định về trình tự thu hồi đất. Ông H, bà H1 yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của UBND thành phố P là không có cơ sở.

- Về việc yêu cầu hủy Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của UBND thành phố P về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và nhà ở khu phố M - P, thành phố P, đối với phần phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trương Thế H.

Ngày 11/7/2008, UBND tỉnh G ban hành Quyết định số 829/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường và dự toán đền bù giải phóng mặt bằng công trình Khu phố mới H - P (đợt 32) cho 06 hộ gia đình trong đó có hộ gia đình ông Trương Thế H, với tổng số tiền bồi thường được phê duyệt là: 380.631.010 đồng.

Hộ ông Trương Thế H không đồng ý phương án bồi thường đã được UBND tỉnh phê duyệt như trên và không nhận tiền bồi thường, không bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Năm 2018, UBND tỉnh G giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất dự án trên về cho UBND thành phố P (theo Công văn số 1099/UBND-CNXD). Sau khi dự án được UBND tỉnh G phê duyệt điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 24/5/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P tiếp tục triển khai bồi thường đối với 20 hộ còn lại của dự án chưa thu hồi đất, trong đó có hộ ông Trương Thế H.

Theo hướng dẫn của T6 tại Công văn số 650/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 13/4/2018: “ ... Trường hợp việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi chưa phù hợp theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm quyết định phê duyệt thì đề nghị UBND cấp có thẩm quyền lập và phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt cho phù hợp với quy định của pháp luật”.

Xét thấy, hộ ông Trương Thế H thu hồi 444,7m² đất ở phải di chuyển chỗ ở nhưng chưa được bố trí tái định cư. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P đã tham mưu UBND thành phố P xin ý kiến Ban thường vụ thành ủy Pleiku xem xét đồng ý cho chủ trương UBND thành phố phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương

án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trương Thế H đã được UBND tỉnh phê duyệt cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Ngày 17/3/2021, UBND thành phố P phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hộ ông Trương Thế H tại Quyết định số 533/QĐ-UBND, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 4.505.251.358 đồng, trong đó:

- Bồi thường về đất: 4.290.465.600 đồng.
- Bồi thường về nhà: 166.746.600 đồng.
- Bồi thường về vật kiến trúc và cây cối hoa màu: 48.039.158 đồng
- Các chính sách hỗ trợ: 0 đồng. Cụ thể:

- Về đơn giá đất, nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối hoa màu: thực hiện theo đơn giá năm 2020 (Đơn giá đất tại Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của UBND thành phố P; Đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc tại Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh G; Đơn giá cây cối hoa màu tại Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh G)

- Về khối lượng tài sản trên đất thu hồi: Theo khối lượng đã được UBND tỉnh phê duyệt năm 2008 (tại Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 11/7/2008).

- Về tái định cư: gia đình ông Trương Thế H được cấp 01 lô đất tái định cư tại đường T có thu tiền sử dụng đất (lô số 27, Khu L08, diện tích 78,0 m², tiền sử dụng đất: 1.060.800.000 đồng) và được giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp đủ điều kiện tách hộ (lô số 12, Khu I16, diện tích 112,6 m², tiền sử dụng đất: 630.560.000 đồng).

Ngày 29/11/2021, bà Võ Thị Thanh H1 có đơn đề nghị điều chỉnh vị trí giao đất đối với bà Trương Thị Mỹ L và ông Võ Quang H3 (là trường hợp đủ điều kiện tách hộ từ hộ ông Trương Thế H bà Võ Thị Thanh H1).

Ngày 15/12/2021, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4852/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 17/3/2021, điều chỉnh vị trí giao đất từ lô số 12, Khu I, đường Q, Khu ĐC Trại Kỷ luật quân đội sang lô số 45 Khu B, đường Q, Khu TĐC Trại Kỷ luật quân đội đối với trường hợp đủ điều kiện tách hộ là bà Trương Thị Mỹ L và ông Võ Quang H3 (bà Trương Thị Mỹ L là con gái ông H3, bà H1).

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất và khoản 2 Điều 4 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh G quy định: *“Hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú mà hộ gia đình không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường 01 (một) lô đất ở và*

được giao đất có thu tiền sử dụng đất tại khu quy hoạch tái định cư hoặc khu quy hoạch dân cư khác trên địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi. Số lô đất ở được giao có thu tiền sử dụng đất tương ứng với số hộ gia đình được tách ra từ hộ gia đình có đất ở thu hồi mà những hộ này không có đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi”.

Con trai ông H3 là ông Trương Triệu V chưa lập gia đình nên theo quy định ông V chỉ là cá nhân không phải là hộ gia đình nên không đủ điều kiện để giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất theo điều kiện tách hộ.

- Về các chính sách hỗ trợ: trong quá trình thu thập hồ sơ để lập phương án bồi thường, gia đình ông H3 không cung cấp các loại văn bản chứng minh hộ gia đình kinh doanh như: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được Cơ quan Thuế chấp thuận, thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi Cơ quan Thuế, vì vậy UBND thành phố P không có cơ sở để hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông H3, bà H1.

- Đối với bồi thường chi phí di chuyển theo quy định tại Điều 91 của Luật đất đai năm 2013, được UBND tỉnh G hướng dẫn cụ thể tại Điều 16 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/201, tuy nhiên hiện nay UBND tỉnh G chưa ban hành cụ thể định mức, đơn giá nên không có cơ sở để áp dụng

Như vậy, UBND thành phố P đã thực hiện đúng theo quy định về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Ngày 29/12/2021, ông Trương Thế H và Võ Thị Thanh H1 đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Nay ông H, bà H1 yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của UBND thành phố P là không có cơ sở.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P do ông Đặng Toàn T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là người đại diện theo ủy quyền có văn bản trình bày ý kiến:

Ngày 2/8/2013, ông H, bà H1 xin phép UBND phường P dựng nhà tạm để mở quán giải khát, sau khi hoàn tất thủ tục kê khai hồ sơ để bồi thường. Ông H, bà H1 cam kết không khiếu nại, không yêu cầu bồi thường nhà tạm và tự giác chấp hành di dời khi có thông báo của cơ quan có thẩm quyền, sự việc ngày được ghi nhận tại Biên bản làm việc ngày 2/8/2013 của UBND phường P.

Trong quá trình làm nhà tạm, ông H và bà H1 xây dựng nhà tạm trên phần đất đã thu hồi để thực hiện dự án do đó phát sinh tranh chấp với Công ty F (Có Biên bản vụ việc ngày 10/8/2013).

Ngày 08/11/2021, UBND phường P phối hợp với các cơ quan, đoàn thể mời hộ ông H, bà H1 đến để tuyên truyền, vận động gia đình ông H tự nguyện di chuyển tài sản, tháo dỡ vật kiến trúc đã dựng tạm năm 2013 để trả lại mặt bằng nhưng ông H, bà H1 không có mặt. Cùng ngày, UBND phường P có Thông báo

số 210/TB-UBND gửi đến ông H, bà H1 phải di chuyển tài sản, tháo dỡ và trả lại mặt bằng đã bồi thường, thu hồi trước ngày 10/11/2021.

Ông H, bà H1 không thực hiện theo cam kết ngày 02/8/2013 và Thông báo số 210/TB-UBND ngày 08/11/2021 của UBND phường P. Do đó, ngày 17/11/2021, UBND phường P đã lập biên bản vi phạm hành chính số 91/BB-VPHC trong lĩnh vực đất đai đối với bà Võ Thị Thanh H1. Bà H1 có mặt nhưng không ký tên vào biên bản.

Ngày 30/11/2021, UBND phường P lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm. Vì hành vi phạm của bà H1 diễn ra từ năm 2013 nên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Nhưng theo khoản 2 Điều 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.

Căn cứ Quyết định giao quyền số 3471/QĐ-GQXP ngày 26/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P, ngày 17/12/2021, Phó chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp buộc khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra số 4922/QĐ-KPHQ (sau đây ghi tắt là Quyết định số 4922).

Ngày 09/01/2022, bà H1 đã nhận Quyết định số 4922, tuy nhiên bà H1 không chấp hành và không ký tên vào biên bản giao nhận Quyết định.

Căn cứ các Điều 28, 70, 85, 86, 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020; các Điều 33, 34, 35 của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, để đảm bảo thi hành Quyết định số 4922/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2021 của Phó chủ tịch UBND thành phố P. Ngày 27/5/2022, Phó chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 1575/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh G:

Tòa án đã gửi Thông báo đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; Thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên, UBND tỉnh G giao cho Sở T7; UBND thành phố P giao nộp tài liệu cho Tòa án và trình bày ý kiến. UBND tỉnh G có văn bản đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại văn bản số 3162/UBND-TTPTQĐ ngày 25/9/2023 của UBND thành phố P về việc ghi ý kiến đối với Thông báo số 239/TB-TA ngày 21/8/2023 của TAND tỉnh Gia Lai, có nội dung:

Trên cơ sở Quyết định thu hồi đất số 386/QĐ-UB ngày 02/12/2004 về việc thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân để triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết khu phố mới H – Phù Đồng thuộc địa bàn 3 phường: Hội Phú, H và T của thành phố P.

Căn cứ hồ sơ pháp lý của hộ ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 cung cấp, ngày 27/5/2008, Ban đền bù GPMB&TĐC tỉnh tổ chức kiểm tra thực tế tại hiện trường có sự tham gia của UBND phường H, chủ đầu tư và người sử dụng đất.

Trên cơ sở số liệu kết quả kiểm kê thực tế, Ban đền bù GPMB&TĐC tỉnh đã lập phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ, niêm yết lấy ý kiến nhân dân theo quy định (qua thu thập hồ sơ thấy không lưu trữ nên không có tài liệu chứng minh). Ban đền bù GPMB&TĐC lập phương án Dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu phố mới H - P (đợt 32) cho 06 hộ dân, trong đó có hộ ông H, với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 380.631.010 đồng.

Ngày 25/6/2008, Ban đền bù GPMB & TĐC tỉnh có Tờ trình số 160/TT-BĐB gửi U đề nghị thẩm định phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu phố mới H - P (đợt 32). Ngày 27/6/2008, Hội đồng thẩm định của tỉnh gồm có Sở Tài chính, Sở T7, Sở Xây dựng, Ban đền bù GPMB&TĐC tỉnh và chủ đầu tư, tổ chức thẩm định hồ sơ bồi thường và hỗ trợ đợt 32 dự án Khu phố M - P.

Ngày 3/7/2008, Sở T8 có Công văn số 779/TC-CSVG về việc tổng hợp kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án Khu phố mới H - P. Cùng ngày, Ban đền bù GPMB & TĐC tỉnh có tờ Trình số 164/TT-BĐB gửi UBND tỉnh về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án Khu phố mới H - P, trong đó có hộ ông H. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh G phê duyệt phương án và dự toán đền bù giải phóng mặt bằng công trình: Khu phố mới H - P (đợt 32) cho 06 hộ trong đó có hộ ông Trương Thế H tại Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 11/7/2008.

Việc lập, phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ cho ông Trương Thế H tại thời điểm phê duyệt phương án áp dụng đúng các chế độ, chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ và tuân thủ các thủ tục mà pháp luật quy định. Tuy nhiên, về phương án tái định cư cho ông Trương Thế H chưa phê duyệt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348, Điều 358 của Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 91/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để triển khai Dự án khu phố H -P; Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và nhà ở khu phố M - P, thành phố P đối với phần của hộ ông Trương Thế H và các quyết định hành chính có liên quan gồm: Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh G về việc phê duyệt phương án bồi thường và dự toán đền bù giải phóng mặt bằng công trình Khu phố mới H – Phù Đồng (đợt 32) phần đối với hộ ông Trương Thế H; Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 4922/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1575/QĐ-CCXP ngày 27/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, việc duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2023, người khởi kiện ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện.

- *Ý kiến của ông Nguyễn Văn T người đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1:* theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông H, bà H1 được Nhà nước phê duyệt qua các năm, trước và sau khi thu hồi đều thể hiện một phần thửa đất của gia đình ông, bà tiếp giáp trực tiếp với đường N nhưng UBND thành phố P không áp giá đất đường N để bồi thường cho gia đình ông H, bà H1 là không có cơ sở, vi phạm pháp luật bởi lẽ về nguyên tắc đối với 01 lô đất tiếp giáp nhiều mặt đường thì cơ quan bồi thường phải áp giá đất có lợi nhất cho người bị thu hồi đất. Các vấn đề khác ông T vẫn giữ nguyên như phần trình bày của nội dung vụ án.

- *Ý kiến của bà Võ Thị Thanh H1:* thống nhất như ý kiến của ông T.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa như sau:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Võ Thị Thanh H1 và người đại diện có mặt, người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đây là phiên tòa hành chính phúc thẩm được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Đối với Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P: ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 cho rằng, UBND thành phố P đã ban hành Quyết định thu hồi 444,7m² đất của gia đình ông, bà là thu hồi không đúng với diện tích thực tế sử dụng, diện tích ghi trong quyết định thu hồi ít hơn so với diện tích trong hợp đồng chuyển nhượng và diện tích thực tế mà ông H, bà H1 sử dụng. Tuy nhiên, xét nguồn gốc thửa đất nói trên là do ông H và bà H1 nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T2 theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/12/2001, được UBND phường H xác nhận ngày 31/12/2001 (*bút lục số 95-96*), với diện tích là 446m². Điều này phù hợp với Biên bản lấy lời khai (*bút lục số 333-334*) của người làm chứng là ông Lê Văn T2 trình bày: “*Tôi chuyển nhượng cho ông H, bà H1 diện tích đất là 446m²...*”; “*Khi chuyển nhượng giữa tôi với vợ chồng ông H, bà H1 có đo đạc, diện tích chuyển nhượng là diện tích ghi đúng trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 30/12/2001, có xác nhận của UBND phường H*”; các Biên lai thu thuế nhà, đất các năm 2003, 2004, 2005, 2006 (*bút lục 176*) đều thể hiện diện tích đất thu thuế là 446m²; Đơn xin xác minh nguồn gốc đất do ông Trương Thế H viết ngày 10/10/2005, có xác nhận của UBND phường H ngày 17/10/2005, thể hiện diện tích đất ở là 446m², kích thước dài 47m, rộng 9,5m và Bản tự khai diện tích đất và tài sản trên đất của ông H cũng thể hiện diện tích đất ở là 446m² (*bút lục số 178*).

[4] Sau khi Công ty TNHH T5 đo đạc bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2007, do xác định sai ranh giới nên đo thiếu diện tích của hộ ông H (273,5 m², thửa đất số 123). Ngày 10/4/2008, Ban đền bù GPMB&TĐC tỉnh G phối hợp với UBND phường H và ông Trương Thế H tiến hành đo đạc kiểm tra lại diện tích thực tế; sau khi kiểm tra đã lập Biên bản phúc tra xác định diện tích đất là 444,7m² (*bút lục số 177*). Đồng thời, tại Biên bản kiểm kê thực tế tại hiện trường ngày 27/5/2008 (*bút lục số 179*), thể hiện diện tích đất bị thu hồi là 444,7m², có chênh lệch nhưng không đáng kể (1,3m²), ông H có tham gia và ký tên tại mục “*Chủ sử dụng*” nhưng không có ý kiến gì. Ông H, bà H1 cho rằng Biên bản phúc tra xác định diện tích đất và Biên bản kiểm kê thực tế tại hiện trường được ban hành không đúng quy định, do đó không có giá trị pháp lý là không có cơ sở.

[5] Về bồi thường về đất: ông H và bà H1, cho rằng diện tích đất bị thu hồi có một phần giáp mặt đường Nguyễn Tất T3, nên yêu cầu áp giá đất mặt đường N để được bồi thường về đất, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất dự án đô thị mới H - Phù Đồng được UBND thành phố P xét duyệt năm 2007 (*bút lục số 496*, do UBND thành phố P *giao nộp bản gốc*) thể hiện thửa đất ông H, bà H1 bị thu hồi là Thửa 123 tiếp giáp với 99,2m² đất UBND thành phố P đã thu hồi, bồi thường cho hộ ông Lê Phước C. Do đó không có cơ sở xác định Thửa đất 123 tiếp giáp với mặt đường N. Ngoài ra, tại Bản đồ giải phóng mặt bằng QL14 đi qua thành phố P (*bút lục số 450*) đo vẽ năm 2002 thể hiện QL14 (nay là đường N) đi qua một phần thửa đất của ông Lê Phước C; phần tiếp giáp với QL14 là phần đất còn lại của ông Lê Phước C chứ không phải của ông H, bà H1; bản đồ này cũng phù hợp với Bản đồ hiện trạng sử dụng đất dự án đô thị mới H - Phù Đồng được đo vẽ năm 2007. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của ông H, bà H1 yêu cầu áp giá đất mặt đường N để bồi thường về đất cho phần đất ông, bà bị thu hồi là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về tái định cư: theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 2 Điều 4 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh G), quy định cụ thể: “*Hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú mà hộ gia đình không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường 01 (một) lô đất ở và được giao đất có thu tiền sử dụng đất tại khu quy hoạch tái định cư hoặc khu quy hoạch dân cư khác trên địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi.*”

Số lô đất ở được giao có thu tiền sử dụng đất tương ứng với số hộ gia đình được tách ra từ hộ gia đình có đất ở thu hồi mà những hộ này không có đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi”.

Xét thấy, tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, hộ gia đình ông H gồm ông Trương Thế H và vợ là bà Võ Thị Thanh H1; bà Trương Thị Mỹ L và chồng là ông Võ Quang H3 và con trai của ông H3, bà H1. Tuy nhiên, con trai ông H3, bà H1 chưa lập gia đình (chưa có vợ), không đủ điều kiện tách hộ gia đình, do đó không đủ điều kiện để được hỗ trợ bố trí thêm 01 lô đất tái định cư. Vì vậy, UBND thành phố P đã bố trí 02 lô đất tái định cư là phù hợp; Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông H3 và bà H1 là có căn cứ.

[7] Về bồi thường chi phí di chuyển: theo quy định tại Điều 91 của Luật đất đai năm 2013 *“Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt”* và tại Điều 16 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh G) hướng dẫn: *“...Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng căn cứ định mức, đơn giá do UBND tỉnh ban hành lập dự toán bồi thường đưa vào phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư”*. Tuy nhiên, quy định nêu trên không thể hiện cụ thể về định mức, đơn giá để làm căn cứ lập dự toán bồi thường chi phí này như thế nào; do đó, UBND thành phố P chưa có cơ sở để bồi thường chi phí di chuyển cho ông H3, bà H1. Mặt khác ông H3, bà H1 cũng không cung cấp được các hoá đơn, chứng từ chi phí thực tế việc di chuyển nhà ở, vật kiến trúc trên đất nên Toà án cấp sơ thẩm không có cơ sở buộc UBND thành phố P phải hỗ trợ cho ông H3 và bà H1. Ông H3 và bà H1 được quyền yêu cầu UBND thành phố P bồi thường chi phí di chuyển khi UBND tỉnh G ban hành định mức kèm theo Quyết định nói trên, hoặc khởi kiện ra Toà án (nếu có tài liệu, chứng cứ).

[8] Về các khoản hỗ trợ: hộ gia đình ông H3, bà H1 yêu cầu phải được hỗ trợ thêm khoản ổn định sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với hỗ trợ ổn định sản xuất: Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện năm 2013, hộ ông Trương Thế H có nhu cầu xin làm nhà tạm (quầy giải khát, cà phê) trong khi chờ đền bù, giải tỏa; ngày 02/8/2013 UBND phường P đã tiến hành lập Biên bản làm việc (bút lục số 383), nội dung biên bản thể hiện gia đình ông H cam kết: *“Gia đình ông H, bà H1 không được thắc mắc, khiếu nại đòi đền bù phần xây dựng nhà tạm để mở quán giải khát khi có yêu cầu giải tỏa...”*. Đồng thời, như đã nhận định, diện tích đất bị thu hồi của hộ ông H là 444,7m², điều này thể hiện, phần đất xây dựng nhà tạm (quầy giải khát, bán cà phê) của ông H, bà H1 nằm ngoài diện tích đất bị thu hồi, không đủ điều kiện để được hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 của Nghị định số 47; ngoài ra, điểm b khoản 4 Điều 19 của Nghị định số 47 quy định: *“Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, ... thì được hỗ trợ sản xuất bằng tiền với mức cao nhất bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của*

3 năm liền kể trước đó ...”, tuy nhiên hộ ông H là kinh doanh tạm, không cung cấp được báo cáo thuế, do đó không có căn cứ để xác định hỗ trợ theo quy định.

Đối với hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: Như đã nhận định nêu trên diện tích đất mà ông, bà bị thu hồi không sử dụng vào mục đích kết hợp kinh doanh, việc thu hồi diện tích đất mà ông H, bà H1 đang sử dụng theo quy định không làm chấm dứt hoạt động kinh doanh, vì vậy ông H, bà H1 không được xem xét khoản hỗ trợ này.

[9] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy mặc dù trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 1121 chưa hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về nội dung đã thể hiện việc thu hồi diện tích đất là đúng nguồn gốc đất của gia đình ông H, bà H1 nhận chuyển nhượng và phù hợp với lời khai của bên chuyển nhượng, phù hợp với thực tế sử dụng tại thời điểm thu hồi đất. Ngoài ra, dự án đường N được triển khai từ năm 2004 đến nay, các hộ dân đã nhận đền bù và di dời, con đường Nguyễn Tất T3 đã được đưa vào sử dụng. Riêng gia đình ông H, bà H1 vẫn không thống nhất với việc thu hồi đất và bồi thường đền bù đất nhưng thực tế ông, bà đã nhận đền bù 02 lô đất tái định cư và tiền bồi thường đất nhưng ông H, bà H1 cho rằng ông bà chưa ký nhận đất và chỉ tạm nhận tiền đền bù để đóng thuế cho 02 lô đất tái định cư. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H1 là có căn cứ. Ông H, bà H1 kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới để xem xét làm thay đổi nội dung quyết định bản án sơ thẩm; ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định hội đồng xét xử nên được chấp nhận, bác kháng cáo của ông H, bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Về xem xét quyết định hành chính có liên quan, gồm: Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh G về việc phê duyệt phương án bồi thường và dự toán đền bù giải phóng mặt bằng công trình Khu phố mới H – Phù Đồng (đợt 32) phân đối với hộ ông Trương Thế H; Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 4922/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1575/QĐ-CCXP ngày 27/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Như đã nêu tại Mục [9], Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để huỷ các quyết này.

[11] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 9.800.000 đồng (*chín triệu tám trăm nghìn đồng*). Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không được Tòa án chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[12] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[13] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Luật đất đai năm 2013; Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 91/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng để triển khai Dự án khu phố H -P; Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và nhà ở khu phố M - P, thành phố P đối với phần của hộ ông Trương Thế H và các quyết định hành chính có liên quan gồm: Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 11/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh G về việc phê duyệt phương án bồi thường và dự toán đền bù giải phóng mặt bằng công trình Khu phố mới H – Phù Đồng (đợt 32) phân đối với hộ ông Trương Thế H; Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 4922/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 1575/QĐ-CCXP ngày 27/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 phải chịu 9.800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 đã nộp đủ.

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

5. Về án phí: buộc ông Trương Thế H, bà Võ Thị Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai số 0000081 ngày 28 tháng 12 năm 2021 và số 0000350 ngày 09/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông